

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày: 07 – 5 – 2021

V/v tranh chấp về hợp đồng tín  
dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thanh Trường Giang – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng \*\*\* (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số \*\*\*, phường CL, quận HK, TP HN.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hữu Đ: Bà Phạm Thị Trung H; chức vụ: Phó Tổng giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 437/UQ-HĐQT ngày 02/6/2015).

Địa chỉ: Số \*\*\*, phường CL, quận HK, TP HN.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Trung H: Ông Trần X T, bà Vũ Thị Hồng H1, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Tuấn K; cùng địa chỉ: Số \*\*\*, đường THĐ, phường CG, Quận \*\*\*, Thành phố HCM và bà Đinh Hồng H2; địa chỉ: Số \*\*\*, phường CL, quận HK, TP HN là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền, số 2286/UQ-MB-HS ngày 07/5/2020).

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần A (Tên cũ: Công ty cổ phần AC, sau đây gọi tắt là Công ty A).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phát Quang V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số \*\*\*, đường số \*\*\*, CCN BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

*Anh Nguyễn Tuấn K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Công ty cổ phần A là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn Ngân hàng \*\*\* trình bày:*

Công ty A và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 255.12.701.903656.TDHM ngày 19/8/2012. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A nhiều lần với tổng số tiền là 1,472,944.00 USD (Một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn đô la Mỹ).

Để đảm bảo khoản vay, Công ty A, ông Nguyễn Phát Q, bà Nguyễn Thị Kim X và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số: 254B.12.701.903656.DB ngày 19/9/2012. Theo đó, Công ty A, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Nguyễn Phát Q thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ: Số \*\*\*, đường NVĐ, phường \*\*\*, quận BT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 610479, do UBND quận BT, Thành phố HCM cấp ngày 19/11/2010, do ông Nguyễn Phát Q, bà Nguyễn Thị Kim X. Hiện nay, tài sản thế chấp nêu trên đã giải chấp và thực hiện thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 07/5/2021, Công ty A còn nợ Ngân hàng số tiền 197,217.96 USD (tương đương 4.567.567.954 đồng), lãi quá trọng là 166,137.48 USD (tương đương 3.847.744.037 đồng), lãi quá hạn là 110,842.30 USD (tương đương 2.569.257.148 đồng), tổng cộng là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)). Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty A trả khoản tiền vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận nhưng đến nay Công ty A không trả.

Nay, Ngân hàng \*\*\* yêu cầu Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng số tiền 197,217.96 USD (tương đương 4.567.567.954 đồng), lãi quá trọng là 166,137.48 USD (tương đương 3.847.744.037 đồng), lãi quá hạn là 110,842.30 USD (tương đương 2.569.257.148 đồng), tổng cộng là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)).

- *Bị đơn Công ty cổ phần A không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán*

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng \*\*\*.

Buộc Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)).

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 19/8/2012 (Bản photo).
- Văn bản sửa đổi khế ước số 09 ngày 26/11/2012, Văn bản sửa đổi khế ước số 10 ngày 26/12/2012, Khế ước nhận nợ ngắn hạn ngày 22/01/2013, Khế ước nhận nợ ngắn hạn ngày 24/01/2013, Văn bản sửa đổi khế ước số 11 ngày 05/02/2013, Văn bản sửa đổi khế ước số 12 ngày 29/3/2013 (Bản sao chứng thực).
- Bảng kê tính lãi tính đến ngày 07/5/2021 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng \*\*\* và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty cổ phần A, trụ sở tại Số \*\*\*, đường số \*\*\*, CCN BT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty cổ phần A được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty cổ phần A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 255.12.701.903656 ngày 19/8/2012.

Xét thấy, khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và Công ty cổ phần A đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số 255.12.701.903656 ngày 19/8/2012. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Ngân hàng \*\*\* được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, Công ty cổ phần A được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và Công ty cổ phần A đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo Đ xã hội nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty cổ phần A có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng \*\*\* về việc yêu cầu Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng **số tiền** vốn và lãi là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi Ngân hàng thu hết khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân nhiều lần cho Công ty cổ phần A với số tiền 1,472,944.00 USD, Công ty cổ phần A cũng nhiều lần trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, còn dư nợ là 197,217.96 USD. Theo thỏa thuận, Công ty cổ phần A có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng khi đến thời hạn đáo hạn. Tuy nhiên, Công ty cổ phần A không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty cổ phần A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 197,217.96 USD tương đương 4.547.451.722 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

*Về lãi suất:* Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và Công ty cổ phần A có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Theo thỏa thuận, Công ty cổ phần A có trách nhiệm trả tiền lãi Ngân hàng khi đến thời hạn đáo hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần A trả số tiền lãi quá trong là 166,137.48 USD, lãi quá hạn là 110,842.30 USD và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho Công ty cổ phần A nhưng Công ty cổ phần A không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, Công ty cổ phần A phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng \*\*\* yêu cầu Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp

nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng \*\*\* nên Công ty cổ phần A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng \*\*\*.

Buộc Công ty cổ phần A trả cho Ngân hàng \*\*\* số tiền vốn và lãi là 474,197.74 USD (tương đương 10.934.051.488 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ chín trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Buộc Công ty cổ phần A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.934.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Trả cho Ngân hàng \*\*\* số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.327.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: BI/2019/0006792 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Võ Văn Hồng Biên**